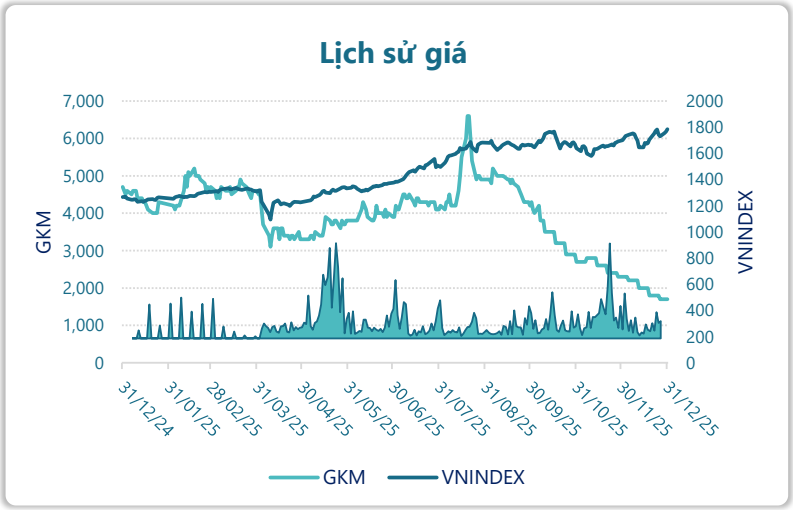
FireAnt

CTCP GKM Holdings (HNX: GKM)



Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**1,700**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	1,700
SL cổ phiếu LH	31,434,237
KLGD BQ 20 phiên (CP)	150,245
% sở hữu nước ngoài	0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	53
P/E	7937.6
EPS	

DT thuần

Q4/25

2.38

tỷ VNĐ

QoQ: ▼0.04| -1.5%

YoY: ▲ 0.45| 23.5%

LN sau thuế

Q4/25

1.48

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.06| 355%

YoY: ▲ 1.44| 3592%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

35.5%

+/- YoY: ▲ 27.6%

DT thuần

2025

9.64

tỷ VNĐ

YoY: ▼135| -93.4%

LN sau thuế

2025

0.01

tỷ VNĐ

YoY: ▼3.84| -99.8%

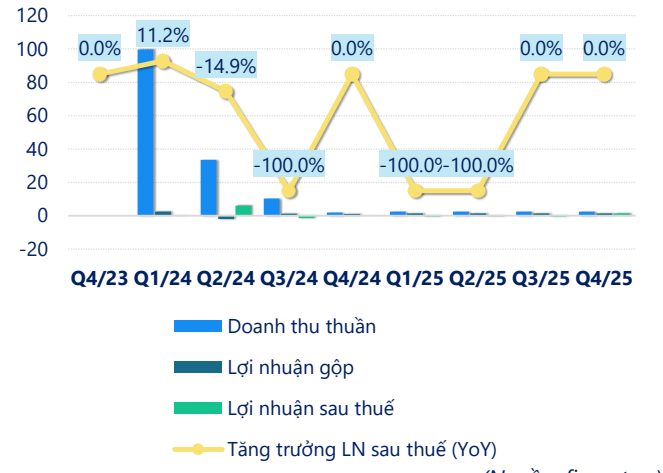
ROE

2025

0.0%

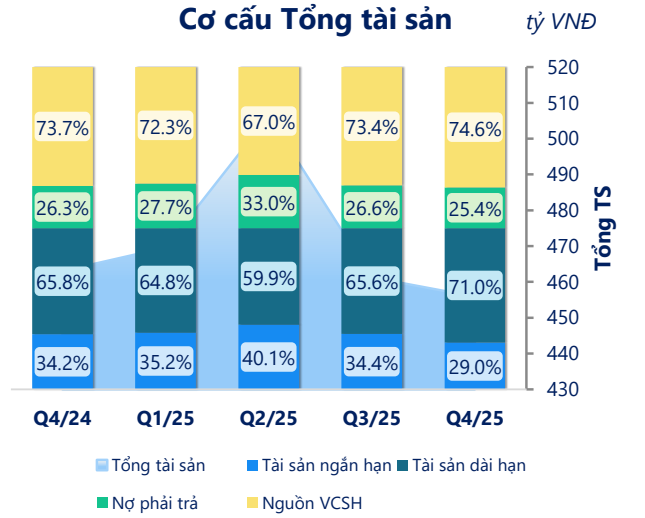
+/- YoY: ▼ 1.1%

Kết quả kinh doanh



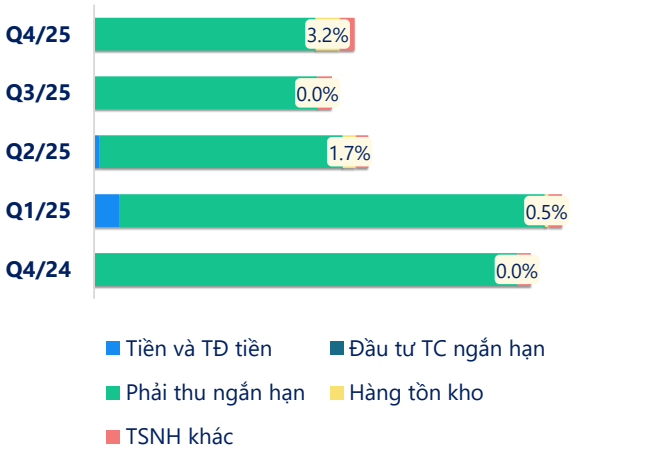
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



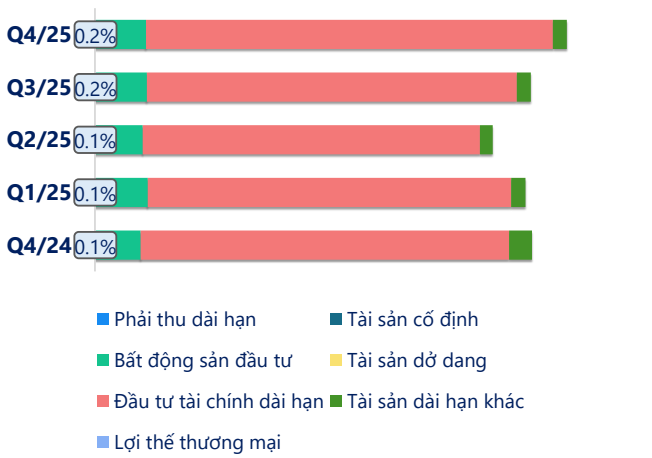
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



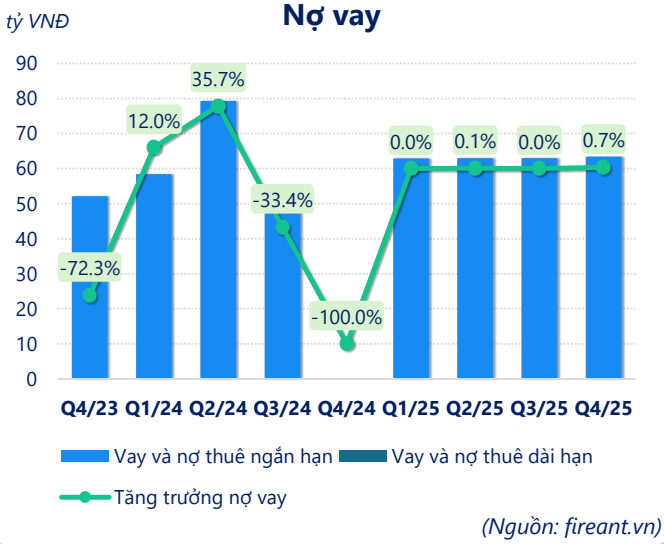
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



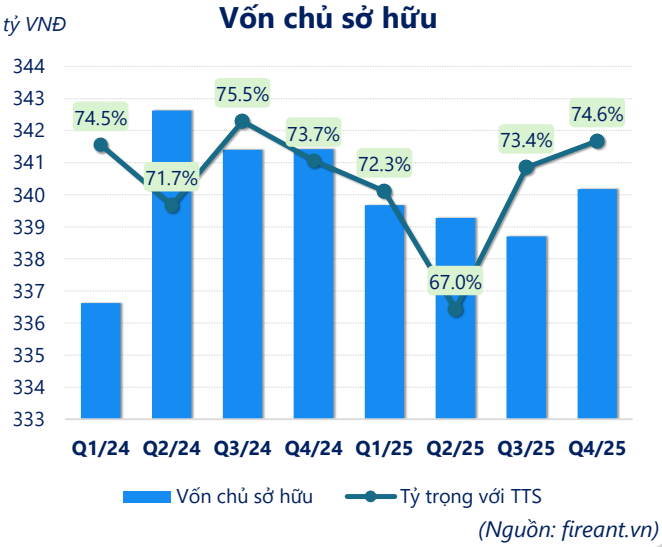
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



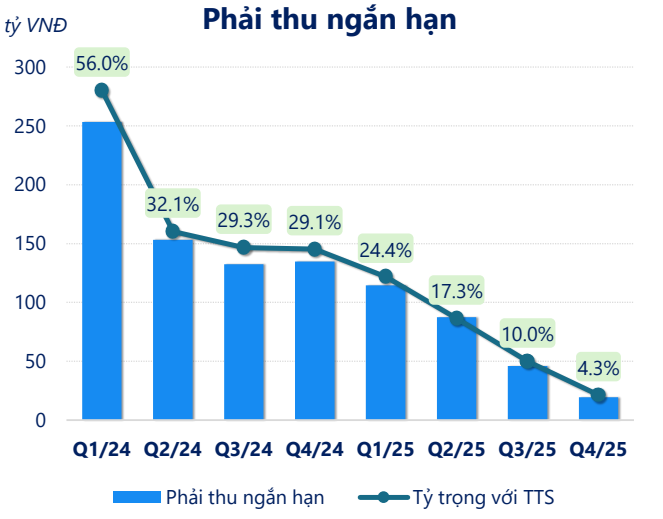
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



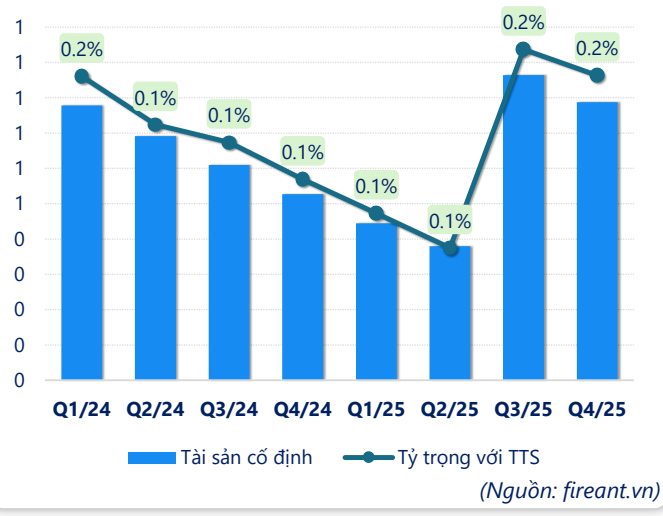
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



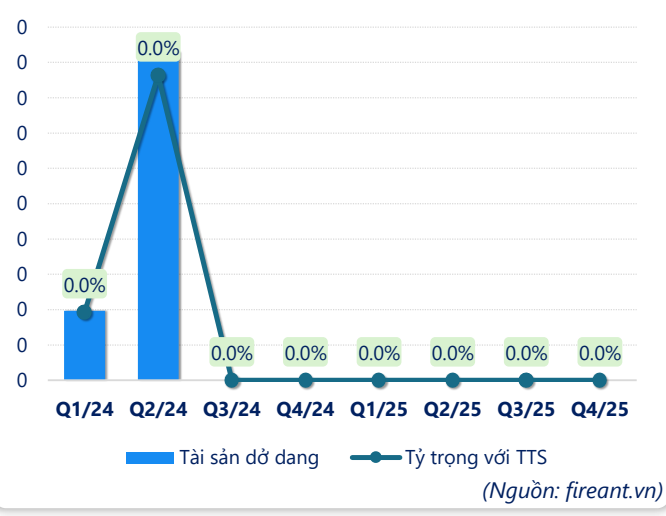
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



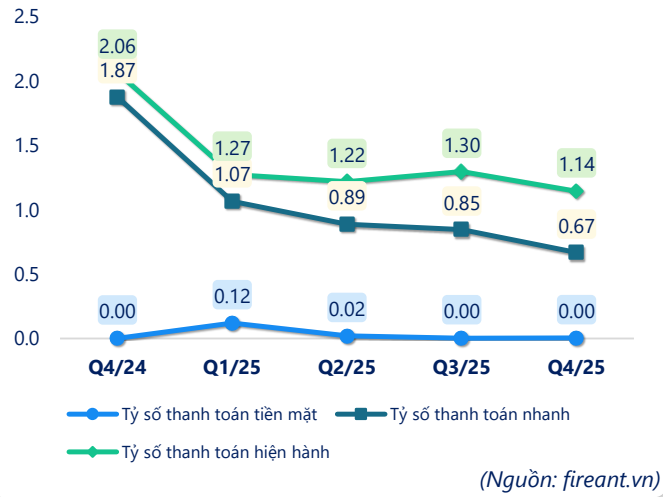
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



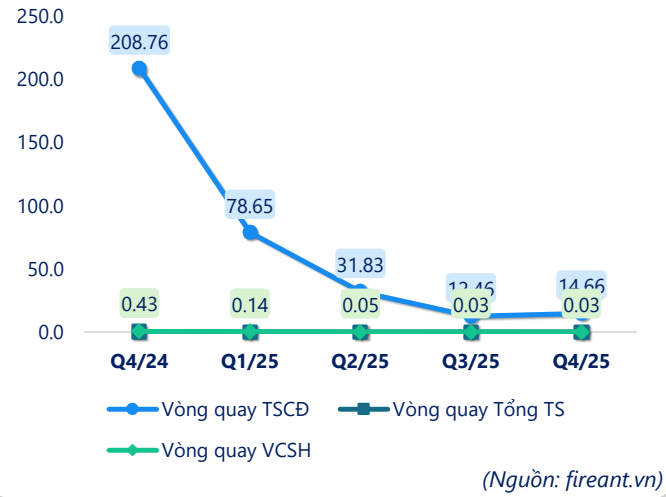
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	**463**	**470**	**506**	**461**	**456**
Tài sản ngắn hạn	**159**	**165**	**203**	**159**	**132**
Tiền và tương đương tiền	0.10	15.6	3.45	0.40	0.40
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	49.0	49.0	49.0
Phải thu ngắn hạn	135	115	87.5	46.0	19.5
Hàng tồn kho	14.6	27.0	55.0	55.0	55.0
Tài sản ngắn hạn khác	9.17	8.30	8.26	8.31	8.34
Tài sản dài hạn	**304**	**304**	**303**	**303**	**324**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	0.53	0.44	0.38	0.86	0.79
Bất động sản đầu tư	31.3	36.9	36.0	35.2	34.3
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	257	257	257	257	279
Tài sản dài hạn khác	15.9	10.2	9.95	9.74	9.54
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**122**	**130**	**167**	**123**	**116**
Nợ ngắn hạn	**76.8**	**130**	**167**	**123**	**116**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	62.9	63.0	63.0	63.4
Phải trả người bán ngắn hạn	59.7	48.2	83.9	38.6	30.8
Nợ dài hạn	44.8	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**341**	**340**	**339**	**339**	**340**
Vốn chủ sở hữu	**341**	**340**	**339**	**339**	**340**
Vốn điều lệ	314	314	314	314	314
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)